



Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

3400178402

ngày 9 tháng 3 năm 1995

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 6 tháng 5 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Sơn
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Đình Toại
Ông Phạm Duy Hưng
Ông Lê Trung Thành

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Hiền
Ông Lê Tuấn Dũng
Ông Bùi Đức Anh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo
Huyện Tuy Phong
Tỉnh Bình Thuận
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty đính kèm cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc
Nguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Thuận, ngày 15 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-794



Chong Kwang Puay

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0864-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Khánh Tân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 3458-2015-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		287.173.013.794	187.605.257.415
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	203.177.467.253	110.501.483.335
Tiền	111		1.277.467.253	1.501.483.335
Các khoản tương đương tiền	112		201.900.000.000	109.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.731.067.623	40.636.050.393
Phải thu của khách hàng	131	5	42.939.992.083	35.613.125.715
Trả trước cho người bán	132		5.144.369.194	3.525.521.237
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	2.063.119.018	1.976.622.484
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	8	(416.412.672)	(479.219.043)
Hàng tồn kho	140	9	33.889.742.073	34.433.695.472
Hàng tồn kho	141		38.526.883.558	34.664.485.669
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.637.141.485)	(230.790.197)
Tài sản ngắn hạn khác	150		374.736.845	2.034.028.215
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		374.736.845	1.202.821.420
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	831.206.795

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		378.183.374.630	370.172.428.224
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.404.105.672	3.862.411.301
Phải thu về cho vay dài hạn	215	6	6.300.000.000	3.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	3.104.105.672	362.411.301
Tài sản cố định	220		312.571.751.272	286.347.365.897
Tài sản cố định hữu hình	221	10	226.136.770.374	227.081.092.494
Nguyên giá	222		335.857.444.566	307.545.323.002
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.720.674.192)	(80.464.230.508)
Tài sản cố định vô hình	227	11	86.434.980.898	59.266.273.403
Nguyên giá	228		91.492.667.256	62.100.651.627
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.057.686.358)	(2.834.378.224)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.303.915.691	25.828.348.096
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.303.915.691	25.828.348.096
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	47.589.598.188	47.589.598.188
Đầu tư vào công ty con	251		47.589.598.188	47.589.598.188
Tài sản dài hạn khác	260		7.314.003.807	6.544.704.742
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2.218.481.985	2.206.111.791
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	5.095.521.822	4.338.592.951
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		665.356.388.424	557.777.685.639

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 15 tháng 3 năm 2017



Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Trọng
Tông Gia

Nguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	755.530.204.595	619.690.617.485
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	26.589.393.761	20.497.054.297
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	728.940.810.834	599.193.563.188
Giá vốn hàng bán	11	26	423.927.060.214	398.089.806.277
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		305.013.750.620	201.103.756.911
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	6.970.993.805	5.053.423.790
Chi phí tài chính	22	28	11.970.119.593	13.066.343.840
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.925.723.730	11.266.343.840
Chi phí bán hàng	25	29	166.180.005.199	164.692.213.922
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	16.081.124.159	16.092.187.518
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		117.753.495.474	12.306.435.421
Thu nhập khác	31		172.535.157	2.032.272.564
Chi phí khác	32		430.251.128	483.870.830
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(257.715.971)	1.548.401.734
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		117.495.779.503	13.854.837.155
Chi phí thuế TNDN – hiện hành	51	32	10.488.280.097	788.531.682
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN – hoãn lại	52	32	(756.928.871)	7.066.928.914
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		107.764.428.277	5.999.376.559

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	117.495.779.503	13.854.837.155
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	31.703.961.495	22.529.746.313
Các khoản dự phòng	03	5.707.955.306	26.593.402.266
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.250.643.635)	(3.833.456.879)
Chi phí lãi vay	06	11.925.723.730	11.266.343.840
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	160.582.776.399	70.410.872.695
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09	(12.044.256.253)	37.459.402.372
Biến động hàng tồn kho	10	(5.353.985.063)	9.212.618.743
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	21.947.359.803	52.882.112.912
Biến động chi phí trả trước	12	1.799.787.673	3.393.315.386
		166.931.682.559	173.358.322.108
Tiền lãi vay đã trả	14	(10.589.205.648)	(11.265.467.937)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.430.547.937)	(6.473.677.845)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(125.115.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	146.911.928.974	155.494.061.186

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(13.665.231.529)	(60.168.917.826)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	12.727.267	620.000.000
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(1.046.201.000.000)	(950.500.000.000)
Tiền chi cho vay	23	(2.800.000.000)	(3.200.000.000)
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	1.046.201.000.000	950.500.000.000
Tiền thu từ thanh lý một công ty liên kết	26	-	1.800.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	6.131.665.768	4.925.111.423
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(10.320.838.494)	(56.023.806.403)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	234.465.195.484	327.338.647.815
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(278.380.302.046)	(422.590.778.666)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(43.915.106.562)	(95.252.130.851)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	92.675.983.918	4.218.123.932
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	110.501.483.335	106.283.359.403
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	203.177.467.253	110.501.483.335

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chínhNguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ uống không cồn, nước khoáng và sản xuất bao bì nhựa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 372 nhân viên (1/1/2016: 411 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ các báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 được mang sang từ số liệu đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	4 - 30 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 19 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng là 5 năm.

(iii) Thương hiệu

Giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(iv) Quyền khai thác

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng là 30 năm.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



(l) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu bán hàng không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá.

Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng và lãi từ các khoản cho vay được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay ngân hàng, lỗ từ thanh lý đầu tư vào công ty liên kết và lỗ chênh lệch tỷ giá.

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

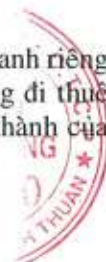
Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Khi xem xét mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.



Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	16.284.955	64.397.342
Tiền gửi ngân hàng	1.261.182.298	1.437.085.993
Các khoản tương đương tiền	201.900.000.000	109.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	203.177.467.253	110.501.483.335

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Bên liên quan		
▪ Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	38.631.849.379	29.388.769.818

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu về cho vay từ một công ty con	6.300.000.000	3.500.000.000

Phải thu về cho vay dài hạn từ một công ty con không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm là 7,5% một năm. Khoản vay này đáo hạn vào năm 2020. Khoản lãi sẽ được thu vào ngày đáo hạn của thỏa thuận vay.

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	619.090.833	218.871.667
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	-	370.050.000
Phải thu khác	1.444.028.185	1.387.700.817
	2.063.119.018	1.976.622.484

(b) Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các khoản ký quỹ dài hạn	2.497.936.791	179.911.991
Lãi dự thu từ một công ty con vay	606.168.881	182.499.310
	3.104.105.672	362.411.301

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng phải thu khó đòi

Số ngày quá hạn	31/12/2016			1/1/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
0 – 30 ngày	13.056.757.466	-	13.056.757.466	15.110.752.720	-	15.110.752.720
31 – 180 ngày	147.240.994	-	147.240.994	922.554.388	-	922.554.388
181 – 365 ngày	15.179.401	(4.553.821)	10.625.580	112.707.487	(33.811.969)	78.895.518
Trên 365 ngày	444.677.065	(411.858.851)	32.818.214	616.584.756	(445.407.074)	171.177.682
	13.663.854.926	(416.412.672)	13.247.442.254	16.762.599.351	(479.219.043)	16.283.380.308
Dự phòng phải thu khó đòi		(416.412.672)			(479.219.043)	

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	41.179.573	-	1.874.496.000	-
Nguyên vật liệu	15.210.657.634	(2.926.050.551)	12.665.241.094	(230.260.197)
Công cụ và dụng cụ	19.697.864.044	-	17.260.867.046	-
Thành phẩm	2.797.113.447	(1.711.090.934)	2.836.362.079	-
Hàng hóa	780.068.860	-	27.519.450	(530.000)
	38.526.883.558	(4.637.141.485)	34.664.485.669	(230.790.197)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	230.790.197	228.305.000
Tăng dự phòng trong năm	5.922.588.178	27.509.685.316
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.491.587.174)	(27.507.200.119)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(24.649.716)	-
Số dư cuối năm	4.637.141.485	230.790.197

Bao gồm trong hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 4.637 triệu VND (1/1/2016: 231 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	84.120.558.842	3.381.298.399	214.854.960.331	5.188.505.430	307.545.323.002
Tăng trong năm	-	-	40.000.000	-	40.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14.566.634.145	559.267.991	13.395.748.517	-	28.521.650.653
Thanh lý	-	-	(249.529.089)	-	(249.529.089)
Số dư cuối năm	98.687.192.987	3.940.566.390	228.041.179.759	5.188.505.430	335.857.444.566
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	20.859.502.530	985.434.517	56.168.539.359	2.450.754.102	80.464.230.508
Khấu hao trong năm	6.574.182.903	599.337.302	21.778.315.038	528.818.118	29.480.653.361
Thanh lý	-	-	(224.209.677)	-	(224.209.677)
Số dư cuối năm	27.433.685.433	1.584.771.819	77.722.644.720	2.979.572.220	109.720.674.192
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	63.261.056.312	2.395.863.882	158.686.420.972	2.737.751.328	227.081.092.494
Số dư cuối năm	71.253.507.554	2.355.794.571	150.318.535.039	2.208.933.210	226.136.770.374

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá là 24.242 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 23.406 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 137.750 triệu VND (1/1/2016: 173.219 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Thương hiệu VND	Quyền khai thác VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	9.207.749.720	1.231.204.240	500.000.000	51.161.697.667	62.100.651.627
Tăng trong năm	-	-	-	27.597.137.629	27.597.137.629
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	1.794.878.000	1.794.878.000
Số dư cuối năm	9.207.749.720	1.231.204.240	500.000.000	80.553.713.296	91.492.667.256
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	553.865.357	930.637.089	70.833.335	1.279.042.443	2.834.378.224
Khấu hao trong năm	203.947.283	96.665.400	50.000.000	1.872.695.451	2.223.308.134
Số dư cuối năm	757.812.640	1.027.302.489	120.833.335	3.151.737.894	5.057.686.358
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	8.653.884.363	300.567.151	429.166.665	49.882.655.224	59.266.273.403
Số dư cuối năm	8.449.937.080	203.901.751	379.166.665	77.401.975.402	86.434.980.898

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá là 748 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 748 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND
Số dư đầu năm	25.828.348.096
Tăng trong năm	7.468.488.265
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(28.521.650.653)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.794.878.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(984.073.292)
Thanh lý	(692.318.725)
Số dư cuối năm	1.303.915.691

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Nhà cửa	411.101.293	13.029.602.390
Máy móc và thiết bị	892.814.398	11.003.867.706
Khác	-	1.794.878.000
	1.303.915.691	25.828.348.096

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, không có chi phí xây dựng cơ bản dở dang nào của Công ty được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (1/1/2016: 9.432 triệu VND).

Trong năm, không có chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty (2015: 4.099 triệu VND).

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đầu tư vào công ty con	47.589.598.188	47.589.598.188

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	31/12/2016 và 1/1/2016		
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	2.299.954	99,99%	47.589.598.188

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000034 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu tiên vào ngày 8 tháng 8 năm 2006. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha là sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty không có khoản dự phòng giảm giá nào cho khoản đầu tư vào công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ 2016 VND
Số dư đầu năm	2.206.111.791
Tăng trong năm	867.583.196
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	984.073.292
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	177.109.882
Phân bổ trong năm	(2.016.396.176)
Số dư cuối năm	2.218.481.985

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại*Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận*

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí kho vận phải trả	1.244.663.513	1.333.329.369
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	2.692.187.420	1.646.403.789
Chiết khấu thương mại phải trả	986.348.591	614.923.764
Chi phí phải trả khác	172.322.298	743.936.029
	5.095.521.822	4.338.592.951

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	96.644.567.330	96.644.567.330	81.477.585.405	81.477.585.405
Dài hạn	63.148.723.000	63.148.723.000	42.841.656.000	42.841.656.000

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty mẹ của công ty mẹ		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	40.873.126.994	23.576.153.951
Công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	-	18.696.000
Các bên liên quan		
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	10.542.114.951	8.000.714.398
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	8.587.355.344	26.280.918.679

Các khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ của công ty mẹ, công ty con và các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Phát sinh VND	Nộp/hoàn lại VND	Cần trừ VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	73.534.720.125	(20.283.099.762)	(51.990.091.021)	1.261.529.342
Thuế thu nhập doanh nghiệp	904.631.969	10.488.280.097	(9.430.547.937)	-	1.962.364.129
Thuế thu nhập cá nhân	41.653.814	183.313.513	(146.670.369)	(8.431.898)	69.865.060
Các loại thuế khác	595.473.748	9.226.699.733	(9.019.877.484)	-	802.295.997
	1.541.759.531	93.433.013.468	(38.880.195.552)	(51.998.522.919)	4.096.054.528

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Chi phí phải trả

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	19.141.041.027	16.396.208.154
Chi phí kho vận	8.849.367.316	13.278.362.225
Thưởng và lương tháng 13	2.712.103.096	2.268.637.990
Chiết khấu thương mại	7.012.787.709	6.123.903.567
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	388.403.454	2.937.629.304
Chi phí lãi vay	1.560.550.723	224.032.641
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	4.421.098.343	756.494.840
Chi phí khác	5.135.010.988	7.288.028.751
	49.220.362.656	49.273.297.472

19. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	11.849.525	15.439.500
Ký quỹ ngắn hạn	485.619.120	485.619.120
Các khoản phải trả khác	977.814.366	909.249.061
	1.475.283.011	1.410.307.681

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ký quỹ vô bình và kết (*)	16.121.564.169	9.361.062.936
Ký quỹ dài hạn khác	687.953.615	1.173.572.735
	16.809.517.784	10.534.635.671

(*) Đây là khoản ký quỹ dài hạn nhận được từ nhà phân phối và khách hàng vô bình và kết. Các khoản này sẽ được hoàn lại khi chấm dứt hợp đồng phân phối hoặc khi vô bình và kết được trả lại cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	77.632.566.591	77.632.566.591	234.465.195.484	(249.580.302.046)	62.517.460.029	62.517.460.029
Vay dài hạn đến hạn trả	28.800.000.000	28.800.000.000	28.800.000.000	(28.800.000.000)	28.800.000.000	28.800.000.000
	106.432.566.591	106.432.566.591	263.265.195.484	(278.380.302.046)	91.317.460.029	91.317.460.029

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4,0% - 4,3%	62.517.460.029	77.632.566.591

Một phần khoản vay ngân hàng được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	87.801.675.710	116.601.675.710
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(28.800.000.000)	(28.800.000.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	59.001.675.710	87.801.675.710

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	7,0% - 7,5%	2019	87.801.675.710	116.601.675.710

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Công ty được đảm bảo bằng một số tài sản cố định có giá trị ghi sổ là 137.750 triệu VND (1/1/2016: tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ lần lượt là 173.219 triệu VND và 9.432 triệu VND).

Trong năm, Công ty đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015

Lợi nhuận thuần trong năm

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016

Lợi nhuận thuần trong năm

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	131.000.000.000	14.208.000.000	1.756.439.018	18.514.838.723	165.479.277.741
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.999.376.559	5.999.376.559
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	131.000.000.000	14.208.000.000	1.756.439.018	24.514.215.282	171.478.654.300
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	107.764.428.277	107.764.428.277
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	131.000.000.000	14.208.000.000	1.756.439.018	132.278.643.559	279.243.082.577

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.100.000	131.000.000.000	13.100.000	131.000.000.000
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.100.000	131.000.000.000	13.100.000	131.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	14.208.000.000	-	14.208.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng 1 năm	6.460.770.000	6.109.540.000
Trong vòng 2 đến 5 năm	1.721.215.000	8.093.120.000
	8.181.985.000	14.202.660.000

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	5.093.471.717	16.539.560.916
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	369.295.141	-
	5.462.766.858	16.539.560.916

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	652.728.845.322	539.442.200.054
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	102.801.359.273	80.248.417.431
	755.530.204.595	619.690.617.485
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	24.576.447.936	14.638.414.266
▪ Hàng bán bị trả lại	2.012.945.825	5.858.640.031
	26.589.393.761	20.497.054.297
Doanh thu thuần	728.940.810.834	599.193.563.188

26. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Bán thành phẩm	376.414.483.028	320.444.379.072
▪ Dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	41.614.638.724	50.135.741.889
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.897.938.462	27.509.685.316
	423.927.060.214	398.089.806.277

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.531.884.934	4.875.386.980
Thu nhập lãi từ khoản cho một công ty con vay	423.669.571	178.036.810
Lãi chênh lệch tỷ giá	15.439.300	-
	6.970.993.805	5.053.423.790

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Chi phí tài chính**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	11.925.723.730	11.266.343.840
Lỗ chênh lệch tỷ giá	44.395.863	-
Lỗ thanh lý khoản đầu tư vào một công ty liên kết	-	1.800.000.000
	11.970.119.593	13.066.343.840

29. Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	47.854.393.913	55.048.871.922
Chi phí kho vận	80.741.443.506	83.326.387.153
Chi phí nhân viên	3.877.990.940	4.251.419.142
Chi phí trưng bày	1.969.632.094	2.724.646.193
Chi phí nghiên cứu thị trường	1.042.500.000	2.163.843.733
Chi phí dịch vụ quản lý	26.774.311.558	14.240.725.600
Chi phí bán hàng khác	3.919.733.188	2.936.320.179
	166.180.005.199	164.692.213.922

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	5.824.524.779	5.725.850.164
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	343.924.124	374.239.748
Chi phí nghiên cứu và phát triển	50.224.641	1.500.192.207
Chi phí khấu hao tài sản cố định	986.408.568	797.991.948
Chi phí dịch vụ quản lý	4.675.100.450	3.712.922.368
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.200.941.597	3.980.991.083
	16.081.124.159	16.092.187.518

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	282.358.715.366	287.339.267.000
Chi phí nhân viên	36.825.728.451	42.708.193.803
Chi phí khấu hao	31.703.961.495	22.529.746.313
Chi phí dịch vụ mua ngoài	200.882.362.581	204.295.470.000
Chi phí khác	54.417.421.679	22.001.530.601

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	10.488.280.097	788.531.682
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	651.261.968	953.900.529
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(1.408.190.839)	6.113.028.385
	(756.928.871)	7.066.928.914
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	9.731.351.226	7.855.460.596

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	117.495.779.503	13.854.837.155
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	23.499.155.901	3.048.064.174
Chi phí không được khấu trừ thuế	344.754.152	61.677.202
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(1.408.190.839)	6.113.028.385
Ưu đãi thuế cho dự án đầu tư mở rộng	(12.704.367.988)	(1.367.309.165)
	9.731.351.226	7.855.460.596

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

Ngoài ra, Công ty có dự án mở rộng thuộc địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các điều khoản của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP và đáp ứng một trong các tiêu chí theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 96/2015/TT-BTC, và do đó Công ty được hưởng ưu đãi về thời gian miễn thuế và giảm thuế đối với phần thu nhập chịu thuế tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư mở rộng có thu nhập chịu thuế; và
- Giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chứng từ xác định giá trị thị trường trong giao dịch kinh doanh với các bên liên quan và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
	2016 VND	2015 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty mẹ của công ty mẹ				
Công ty Cổ phần Hàng				
tiêu dùng Masan				
▪ Bán thành phẩm và hàng hóa	22.863.369	2.949.864.765	-	-
▪ Mua nguyên vật liệu	21.437.933.775	24.239.845.964	(3.259.383.364)	(1.104.331.000)
▪ Chi phí lãi vay phải trả	-	2.718.146.765	-	-
▪ Phí hỗ trợ quản lý	34.194.312.391	20.428.929.546	(37.613.743.630)	(22.471.822.951)
Các bên liên quan				
Công ty TNHH Một				
Thành viên Công nghiệp				
Masan				
▪ Bán hàng hóa	253.902.633	82.217.804	-	-
▪ Mua nguyên vật liệu	18.845.922.186	45.859.376.442	(8.587.355.344)	(26.280.918.679)
Công ty TNHH Một				
Thành viên Masan HD				
▪ Bán hàng hóa	-	26.586.160	-	-
Công ty TNHH Một				
Thành viên Masan PQ				
▪ Bán thành phẩm	8.690.910	-	-	-
Công Ty TNHH Một				
Thành Viên Nam Ngư				
Phú Quốc				
▪ Bán thành phẩm	938.182	-	-	-
Công ty TNHH Một				
Thành viên Masan MB				
▪ Bán thành phẩm	3.272.732	-	-	-
Công ty TNHH Một				
Thành viên Công nghệ				
Thực phẩm Việt Tiến				
▪ Bán hàng hóa	108.034.500	73.653.584	-	-
▪ Mua hàng hóa	-	59.670.000	-	-
▪ Sử dụng dịch vụ	18.195.015.103	7.287.360.310	(10.542.114.951)	(8.000.714.398)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
	2016 VND	2015 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa				
▪ Cung cấp dịch vụ	90.376.154.736	68.663.622.658	20.992.292.640	15.275.755.636
▪ Bán thành phẩm	150.422.632.359	114.405.712.917	17.639.556.739	14.113.014.182
▪ Mua hàng hóa	2.752.739.338	14.600.381.505	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha				
▪ Sử dụng dịch vụ	189.774.094	16.996.364	-	(18.696.000)
▪ Khoản vay đã cấp	2.800.000.000	3.200.000.000	6.300.000.000	3.500.000.000
▪ Thu nhập lãi phải thu	423.669.571	178.036.810	606.168.881	182.499.310

Không có khoản thù lao nào phải trả cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Uhr

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

Zunächst

Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc

